

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-BCDCTW-VPDP ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 606/TTr-SNN ngày 15 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa học Công nghệ, Y tế; Thủ trưởng các sở, ban,

ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- VPDPNTM Trung ương;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VPDPNTM tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, NN. *c4*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI TRẠCH CHỦ TỊCH *Le*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo ra môi trường sống ở nông thôn an toàn và bền vững; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Có ít nhất 60% dân số nông thôn được tiếp cận bền vững với nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; 40% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung; đảm bảo cấp nước sạch sinh hoạt quy mô hộ gia đình cho các hộ dân tại những khu vực chưa có khả năng tiếp cận với nước cấp tập trung, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn.

b) Có ít nhất 50% số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn; 80% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý; mỗi huyện, thị xã, thành phố triển khai 01-02 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp xã trở lên. Đồng thời, có ít nhất 01 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện trở lên với công nghệ phù hợp.

c) Có ít nhất 15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; có 07 đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.

d) Có ít nhất 80% chất thải chăn nuôi và ít nhất 70% phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường (*riêng đối với các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao phải đạt từ 80% trở lên*).

đ) Có 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

e) 100% chất thải rắn và 50% nước thải sản xuất của các làng nghề, làng

nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định.

g) Có ít nhất 04 đơn vị cấp huyện có đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và có mô hình xây dựng hoặc cải tạo cảnh quan ao hồ.

h) 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; 80% số xã có tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm.

i) Ít nhất 85% hộ gia đình nông thôn và 95% trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

3. Yêu cầu

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hành động, cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, văn bản và tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

II. PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Thời gian: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.
2. Phạm vi thực hiện: Triển khai trên phạm vi toàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Quy hoạch

a) Rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung cấp nước sạch nông thôn vào quy hoạch nông thôn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, suy thoái nguồn nước.

b) Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn của xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.

2. Cấp nước sạch nông thôn

a) Hỗ trợ đầu tư một số mô hình cấp nước sạch tại các vùng đặc thù, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước (*vùng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, vùng sâu, vùng xa, bãi ngang ven biển, biên giới, hải đảo*).

b) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung đã có (*trong đó tập trung nâng cấp công nghệ xử lý chất lượng nước, nâng công suất, mở rộng mạng lưới cấp nước, ổn định nguồn nước khai thác trong điều kiện ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu*).

c) Xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình, mô hình cấp nước hộ gia đình thích ứng với biến đổi khí hậu cho dân cư vùng chưa có khả năng tiếp cận với cấp

nước tập trung, khan hiếm, khó khăn về nguồn nước.

3. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn được phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

b) Hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình; xây dựng và triển khai mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các địa bàn có mật độ dân cư khác nhau và mục đích sử dụng chất thải sau phân loại.

c) Tổ chức mạng lưới thu gom triệt để và hiệu quả; hình thành và hoàn thiện các phương thức thu gom phù hợp với đặc thù của từng huyện, thị xã, thành phố; bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan.

d) Xây dựng, triển khai và hoàn thiện mô hình liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải (*như sản phẩm phân bón hữu cơ...*).

đ) Hỗ trợ đầu tư xây dựng từ 01 - 02 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện hoặc liên huyện, áp dụng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

4. Nước thải sinh hoạt

a) Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn của xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.

b) Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn phù hợp với đặc thù của từng huyện. Hỗ trợ mỗi huyện 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất $\geq 200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ áp dụng các biện pháp phù hợp.

c) Nghiên cứu, xây dựng thí điểm một số mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp; mô hình thu phí xử lý nước thải sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn.

5. Chất thải và phụ phẩm nông nghiệp

a) Nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác.

b) Nghiên cứu, xây dựng mô hình cung cấp, trao đổi chất thải chăn nuôi để hình thành thị trường trao đổi chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị sản xuất các loại phân hữu cơ.

c) Nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý chất thải nhựa

trong sản xuất nông nghiệp.

6. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật

a) Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, lưu trữ và vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, đảm bảo không phát tán ra môi trường.

b) Nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng phù hợp với điều kiện từng huyện, thị xã, thành phố.

c) Nghiên cứu, xây dựng các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ về xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thành chất thải thông thường.

7. Bảo vệ môi trường làng nghề

a) Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp, xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phù hợp đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường với từng làng nghề, làng nghề truyền thống, tập trung vào nhóm các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm và nhóm các làng nghề dệt nhuộm.

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng; xử lý ô nhiễm các khu vực làng nghề đã bị ô nhiễm nghiêm trọng sau khi di dời cơ sở sản xuất.

8. Cảnh quan môi trường nông thôn

a) Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện đề án cấp huyện về cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt khu vực công cộng; tổ chức theo dõi diễn biến chất lượng nước ao, hồ công cộng nằm trong khu dân cư nông thôn; cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước khi bị ô nhiễm.

b) Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; tăng cường trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

9. An toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

a) Các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có đề án sản xuất nông nghiệp hữu cơ được phê duyệt.

b) Hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ an toàn thực phẩm quy mô cấp huyện và liên huyện, cấp tỉnh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh và an toàn thực phẩm.

c) Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giám sát của cộng đồng về an toàn thực phẩm; phát triển các tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm; tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất.

10. Công tác vệ sinh

a) Từng bước xóa bỏ nhà tiêu không hợp vệ sinh, chấm dứt đi vệ sinh ngoài trời, chú trọng vệ sinh an toàn cho phụ nữ và các đối tượng dễ bị tổn

thuong, tiếp cận vệ sinh cho người khuyết tật; huy động, vận động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

b) Hoàn thiện, phổ biến và nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở.

IV. GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt

a) Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung và kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản có liên quan tới toàn thể nhân dân thông qua các cuộc họp, hội nghị, các phương tiện thông tin đại chúng... nhằm chuyển đổi tư duy nhận thức, kiến thức, pháp luật, hành động của người dân, cán bộ nông thôn mới các cấp.

b) Nghiên cứu đa dạng hóa các hình thức truyền thông về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát huy hiệu quả của truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội và các hình thức truyền thông mới; xây dựng các chương trình chuyên đề, chuyên mục định kỳ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát sóng định kỳ trên đài truyền hình, truyền thanh, báo viết, báo điện tử.

c) Phát động các phong trào thi đua chuyên đề để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có giải pháp, sáng kiến nhằm giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; tổ chức các cuộc thi nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp.

d) Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở. Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tại cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn và vận hành các công trình cấp nước và xử lý chất thải.

đ) Xây dựng các bộ sản phẩm truyền thông mẫu, thiết kế mẫu về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

2. Xây dựng hoàn thiện, ban hành cơ chế, chính sách

a) Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách về huy động nguồn lực, quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch và công trình xử lý chất thải trên cơ sở hợp tác công - tư; xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách đặc thù trong sản xuất phân hữu cơ, tái chế và tái sử dụng chất thải.

b) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các cơ chế phối hợp liên ngành và quản lý cộng đồng trong bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; lồng ghép vào các hương ước, quy ước, quy chế của địa phương; quy chế để vận hành có hiệu quả các mô hình, công trình cấp nước sạch và bảo vệ môi trường nông thôn.

c) Rà soát, sửa đổi và ban hành mới các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường nông thôn, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm cho các vùng đặc thù và vùng khó khăn.

d) Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch và quản lý đất đai liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm; rà soát, hoàn thiện quy hoạch nông thôn của các xã, huyện theo hướng tích hợp các nội dung về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm; chủ động bố trí quỹ đất phục vụ cho các công trình nước sạch, bảo vệ môi trường trong kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

3. Khoa học công nghệ

a) Rà soát, cập nhật, chuyển giao và ứng dụng công nghệ về cấp nước và bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện của huyện, thị xã, thành phố theo hướng giảm chi phí đầu tư và vận hành, kỹ thuật vận hành đơn giản, thân thiện với môi trường; ưu tiên lựa chọn các công nghệ sản xuất trong nước, công nghệ hiện đại, tuần hoàn và thân thiện với môi trường.

b) Rà soát, xây dựng và ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn và các định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm.

c) Tăng cường chuyển đổi số trong thực hiện các nội dung của Chương trình; lồng ghép việc triển khai xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm trong Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

4. Huy động nguồn lực

a) Rà soát, hoàn thiện các chính sách huy động nguồn lực về xã hội hóa bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù của mỗi khu vực; cơ chế huy động đóng góp của người sử dụng nước và các nguồn lực trong bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

b) Các huyện, thị xã, thành phố cân đối kinh phí chi thường xuyên, các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA, các dự án hợp tác quốc tế, đối ứng vốn vay, các chương trình, dự án, đề án khác cho thực hiện Chương trình; ưu tiên kinh phí phân bổ ngân sách cho việc thực hiện các nhiệm vụ dựa vào cộng đồng, triển khai tại các xã khó khăn, xã đặc thù về kinh tế - xã hội.

c) Ưu tiên tiếp cận nguồn vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường, vay tín dụng với lãi suất ưu đãi, mở rộng biên độ cho vay, kéo dài thời gian vay vốn cho đầu tư xây dựng công trình về bảo vệ môi trường và cấp nước sạch nông thôn.

d) Tăng cường hoạt động chia sẻ, trao đổi thông tin về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình với tổ chức liên quan; chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

5. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Phát huy vai trò của doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong phối hợp với chính quyền tham gia xây dựng, vận hành các công trình, hệ thống, mô hình bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trên cơ sở quy chế phối hợp, phân công trách nhiệm và cơ chế tài chính rõ ràng, minh bạch và có sự đồng thuận cao; khuyến khích hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, đội, nhóm bảo vệ môi trường đứng ra nhận quản lý, vận hành mô hình bảo vệ môi trường sau đầu tư tại địa phương.

b) Cộng đồng dân cư, các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn xây dựng quy chế, hương ước, quy ước có nội dung cụ thể, rõ ràng; giám sát sử dụng công trình của người dân địa phương.

c) Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và người dân trong công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

d) Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

a) Vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

b) Vốn ngân sách địa phương.

c) Vốn xã hội hóa (*các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư...*).

d) Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

d) Vốn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện: Trích từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được giao hàng năm.

3. Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Là cơ quan Thường trực; có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung và nhiệm vụ của Kế hoạch này; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Giới thiệu, phê duyệt danh sách các mô hình thí điểm thuộc Chương trình và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện để làm cơ sở xây dựng chính sách và nhân rộng trong tỉnh; đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và chuyên đổi tư duy của người dân và cán bộ nông thôn mới các cấp về cấp nước sạch, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm; kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ môi trường.

c) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn và triển khai các nội dung về cung cấp nước sạch nông thôn; xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp; thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật; cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn; an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tập huấn các nội dung bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này theo đúng tiến độ và quy định hiện hành.

d) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các công nghệ bảo vệ môi trường, ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

d) Ban hành hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai các nội dung về phân loại thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bảo vệ môi trường làng nghề, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tập trung.

e) Hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn; xử phạt nghiêm minh các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Kế hoạch vào kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hàng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Kế hoạch trong kế hoạch kinh phí sự nghiệp của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu triển khai xây dựng, nhân rộng các mô hình chợ an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù của từng vùng; thẩm định, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, phù hợp, thân thiện với môi trường; rà soát, xây dựng và ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá đối với các nội dung, hoạt động có liên quan.

7. Sở Y tế

Hướng dẫn và triển khai các nội dung về công tác vệ sinh cá nhân; kiểm tra, giám sát và hướng dẫn địa phương thực hiện Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

8. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh

Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các hộ dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện trong Kế hoạch được vay vốn triển khai, vốn đối ứng, đóng góp xây dựng các mô hình đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

9. Các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu trong việc tham gia, chủ động tổ chức triển khai có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chủ động tổ chức triển khai có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong thực hiện Kế hoạch này.

11. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường ở nông thôn.

b) Phối hợp với chính quyền tham gia xây dựng, vận hành các công trình, hệ thống, mô hình về cấp nước sạch và bảo vệ môi trường; chỉ đạo cấp cơ sở đứng ra nhận quản lý, vận hành các mô hình thí điểm đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

c) Tham gia giám sát, phản biện và đánh giá sự hài lòng của người hưởng thụ các mô hình đã triển khai thực hiện; Tiếp tục duy trì và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở.

12. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm (*từ ngày 20/11 đến ngày 01/12*) các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 06/12 hàng năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./.

Phụ lục

**MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHƯƠNG TRÌNH TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ
CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**
(Kèm theo Quyết định số 2452/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Nội dung	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Cấp nước sạch nông thôn	1.1. Rà soát, điều chỉnh cập nhật nội dung cấp nước sạch nông thôn vào quy hoạch nông thôn cấp huyện	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2025
		1.2. Xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình cấp nước sạch tại các vùng đặc thù, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội	2023-2025
		1.3. Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung đã có	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
		1.4. Xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình, mô hình cấp nước hộ gia đình thích ứng với biến đổi khí hậu cho dân cư vùng chưa có khả năng tiếp cận với cấp nước tập trung, khan hiếm, khó khăn về nguồn nước	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội	2023-2025
2	Chất thải rắn sinh hoạt	2.1. Tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn được phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh	Các sở, ban, ngành tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố		2023-2025

TT	Nội dung	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		2.2. Hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình; xây dựng và triển khai mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các địa bàn có mật độ dân cư khác nhau và mục đích sử dụng chất thải sau phân loại	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội	Các sở, ban, ngành tỉnh	2023-2025
		2.3. Tổ chức mạng lưới thu gom triệt để và hiệu quả; hình thành và hoàn thiện các phương thức thu gom phù hợp với đặc thù của từng huyện, thị xã, thành phố; bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Tỉnh đoàn và Hội nông dân tỉnh	2023-2025
		2.4. Xây dựng thí điểm mô hình về liên kết thị trường để thu hồi sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2025
		2.5. Thí điểm mô hình điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt cấp huyện	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	2023-2025

TT	Nội dung	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		2.6. Nhận rộng mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện hoặc liên huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2025
		2.7. Rà soát xây dựng các định mức, đơn giá về xử lý môi trường (nước thải, chất thải rắn) phù hợp với khu vực nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025
3	Nước thải sinh hoạt	3.1. Rà soát, xây dựng và triển khai phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn của xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Xây dựng	2023-2025
		3.2. Triển khai thí điểm mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn phù hợp với đặc thù của từng huyện. Hỗ trợ mỗi huyện 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng các biện pháp phù hợp	Ủy ban nhân dân các huyện	Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	2023-2025
		3.3. Triển khai thí điểm một số mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp áp áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các tổ chức chính trị - xã hội	2023-2025

TT	Nội dung	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Chất thải và phụ phẩm nông nghiệp	4.1. Xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuân hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường và Hội Nông dân tỉnh	2023-2025
		4.2. Triển khai thí điểm mô hình cung cấp, trao đổi chất thải chăn nuôi để hình thành thị trường trao đổi chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị sản xuất các loại phân hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	2023-2025
		4.3. Nhân rộng mô hình quản lý chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp cấp xã	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường và Hội nông dân tỉnh	2023-2025
5	Bao gói thuốc bảo vệ thực vật	5.1. Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, lưu trữ và vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, đảm bảo không phát tán ra môi trường	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội	2023-2025
		5.2. Nhân rộng mô hình quản lý gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng phù hợp với điều kiện từng huyện, thị xã, thành phố	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; Tỉnh đoàn và Hội nông dân tỉnh	2023-2025

TT	Nội dung	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		5.3. Nghiên cứu, triển khai thí điểm mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ về xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thành chất thải thông thường	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường	2023-2025
6	Bảo vệ môi trường làng nghề	6.1. Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp, xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phù hợp đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường với từng làng nghề, tập trung vào nhóm các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm và nhóm các làng nghề dệt nhuộm	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường	2023-2025
		6.2. Hỗ trợ xây dựng mô hình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng; xử lý ô nhiễm các khu vực làng nghề đã bị ô nhiễm nghiêm trọng sau khi di dời cơ sở sản xuất	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường	2023-2025
7	Cảnh quan môi trường nông thôn	7.1. Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện đề án cấp huyện về cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt khu vực công cộng	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2025
		7.2. Nhân rộng mô hình cấp xã về khôi phục chất lượng môi trường nước bị ô nhiễm	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2025

TT	Nội dung	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		7.3. Nhân rộng mô hình cấp xã về xây dựng cảnh quan, trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông	Các tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành tỉnh	2023-2025
		7.4. Triển khai thí điểm mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng, gắn với phát triển du lịch và xây dựng đồi sông văn hóa cơ sở	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội	2023-2025
8	An toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	8.1. Các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có đề án sản xuất nông nghiệp hữu cơ được phê duyệt	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2025
		8.2. Hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ an toàn thực phẩm quy mô cấp huyện và liên huyện, cấp tỉnh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh và an toàn thực phẩm	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023-2025
		8.3. Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giám sát cộng đồng về an toàn thực phẩm, tuyên truyền, tập huấn và nâng cao nhận thức và năng lực về tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Sở Y tế; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Tỉnh đoàn; Sở Công thương	2023-2025
		8.4. Nhân rộng các tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Y tế; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Tỉnh đoàn	2023-2025

TT	Nội dung	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
9	Công tác vệ sinh	9.1. Huy động, vận động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Các tổ chức chính trị - xã hội; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Y tế	2023-2025
		9.2. Nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Sở Y tế	2023-2025
		9.3. Triển khai thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Y tế	2023-2025
10	Truyền thông, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	10.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh	2023-2025
		10.2. Nhân rộng và duy trì mô hình tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp xã	Các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố		2023-2025
		10.3. Xây dựng các chương trình chuyên đề, chuyên mục định kỳ về nội dung chuyên đề trên các phương tiện thông tin đại chúng	Báo Trà Vinh; Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh; Trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố		2023-2025
		10.4. Phát động thi đua, tôn vinh, biểu dương khen thưởng	Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố		2023-2025
		10.5. Tổ chức cuộc thi nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp	Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố		2023-2025

TT	Nội dung	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		10.6. Bồi dưỡng tập huấn, nâng cao năng lực về các nội dung của Chương trình cho cán bộ nông thôn mới và người dân theo nhóm đối tượng	Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố		2023-2025
11	Tổ chức quản lý thực hiện Chương trình	11.1. Lựa chọn mô hình thí điểm, mô hình nhân rộng do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục mô hình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025
		11.2. Phê duyệt danh mục mô hình thí điểm, mô hình nhân rộng do các cơ quan, đơn vị cấp huyện đề xuất	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố		2023-2025
		11.3. Kiểm tra, giám sát đánh giá chương trình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025
		11.4. Tổ chức hội nghị tổng kết chương trình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2025